

LUẬN A TỖ ĐÀM TỖ BÀ SA

QUYỂN 27

Chương 2: **KIẾN-ĐỘ SỬ**

Phẩm 1: **BÁT THIỆN**, Phần 3

Năm kiết là kiết ái, kiết giận, kiết mạn, kiết tật (ganh ghét), kiết san (keo kiệt).

Hỏi: Thể tánh của năm kiết này là gì?

Đáp: Có ba mươi bảy thứ: Kiết ái của ba cõi có mười lăm thứ, kiết mạn cũng giống như thế. Kiết giận có năm thứ. Kiết tật, kiết san (keo kiệt), chỗ dứt của tu đạo cõi Dục có hai thứ.

Ba mươi bảy thứ này là thể của năm kiết, cho đến nói rộng.

Đã nói thể tánh của kiết. Về lý do nay sẽ nói:

Hỏi: Vì sao gọi là kiết? Kiết có nghĩa là gì?

Đáp: Nghĩa trói buộc là nghĩa kiết. Nói rộng như năm kiết phần dưới của xứ ba kiết: Kiết dục ái, kiết giận dữ, thân kiến, giới thủ, nghi.

Hỏi: Thể tánh của năm kiết phần dưới là gì?

Đáp: Có ba mươi một thứ: Kiết dục ái có năm thứ, chung cho sáu thức thân. Kiết giận có năm thứ, chung cho sáu thức thân. Thân kiến, chỗ dứt của kiến khổ ba cõi có ba thứ. Giới thủ, chỗ dứt của kiến khổ, kiến đạo của ba cõi có sáu thứ. Nghi, chỗ dứt của kiến khổ, tập, diệt, đạo trong ba cõi có mười hai thứ.

Ba mươi một thứ này là thể của năm kiết phần dưới, cho đến nói rộng.

Đã nói thể tánh của năm kiết phần dưới, về lý do nay sẽ nói:

Hỏi: Vì sao gọi là kiết phần dưới? Kiết phần dưới có nghĩa gì?

Đáp: Vì là đối tượng hoạt động cõi dưới, nên gọi là dưới.

Lại nữa, kiết cõi dưới có thể khiến cho phiền não nối tiếp nhau sinh cõi dưới, có thể sinh ra quả y, quả báo cõi dưới. Vì việc này nên gọi là kiết phần dưới. Cõi dưới là cõi Dục.

Hỏi: Nếu vậy, tất cả phiền não đều là sở hành cõi dưới. Sáu mươi bốn sử là chỗ dứt cõi dưới. Ba mươi sáu thứ huộc về cõi Dục, hai mươi tám thứ là thuộc về Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Ba mươi sáu thứ sử kia khiến cho phiền não nối tiếp nhau sinh ở cõi dưới. Ba mươi bốn thứ có thể sinh quả báo, quả y cõi dưới. Hai thứ chỉ sinh quả y. Các phiền não như thế đều có nghĩa phần dưới. Vì sao Đức Thế tôn chỉ nói năm kiết là kiết phần dưới?

Đáp: Tôn giả Ba-xa nói: Phật, Thế tôn biết rõ chắc chắn về pháp tướng, cũng biết rõ công dụng, thế lực của chúng, cho đến nói rộng.

Tôn giả Cù-sa nói: Đức Phật đã biết năm kiết phần dưới này là nhanh chóng, nghiêng nặng gần với sở hành cõi dưới, dứt trừ trong cõi dưới, làm cho sự sinh nối tiếp nhau cõi dưới, có thể sinh ra quả báo, quả y cõi dưới, chẳng phải phiền não khác, cho nên nói là kiết phần dưới.

Lại nữa, có hai thứ dưới:

1. Cõi dưới.
2. Chúng sinh dưới.

Cõi dưới, là cõi Dục. Chúng sinh dưới, là phần phàm phu. Sở dĩ chúng sinh không thể ra khỏi cõi dưới là vì lỗi gì? Đều là do lỗi của kiết dục ái, kiết giận dữ. Sở dĩ chúng sinh không thể vượt qua phần phàm phu dưới đều là lỗi của thân kiến, giới thủ và nghi.

Như nói cõi dưới, địa dưới cũng giống như thế.

Lại nữa, năm kiết phần dưới này đối với chúng sinh cõi Dục, giống như lính giữ ngục, người rình bắt. Kiết dục ái, kiết giận dữ, giống như lính giữ ngục. Thân kiến, giới thủ, nghi, giống như người rình bắt. Ví như có người bị giam ở trong ngục, lệnh cho hai người canh giữ, khiến người kia không được ra khỏi sai ba người rình bắt. Người đó hoặc được bạn thân, hoặc do bà con, hoặc do tiền của, hoặc vì gây tổn hại cho lính giữ ngục nên chạy thoát ra ngoài, cho đến đã đi xa. Ba người rình bắt phải tìm bắt đem giam trở lại trong ngục. Ngục như cõi Dục, người bị giam như phàm phu, hai lính giữ ngục như kiết dục ái, kiết giận dữ, thân kiến, giới thủ, nghi như ba người rình bắt.

Hoặc có chúng sinh dùng quán bất tịnh gây tổn hại cho kiết dục ái, dùng quán tử gây tổn hại cho kiết giận dữ, lìa dục cõi Dục, cho đến dục của Vô sở hữu xứ, sinh Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Thân kiến, giới thủ, nghi lại dẫn đến giam trong ngục cõi Dục.

Cho nên, Tôn giả Cù-sa nói rằng: Nếu không dứt hai pháp, thì sẽ không ra khỏi cõi Dục. Không dứt trừ ba pháp, thì sẽ sinh trở lại cõi Dục.

Tôn giả Bà-ma-lặc nói: Vì bị hai thứ kiết ràng buộc nên không ra khỏi cõi Dục, vì không dứt trừ ba kiết, nên phải sinh trở lại cõi Dục.

Lại nữa, đây là hiện môn, hiện tóm lược, hiện mới nhập. Các phiền não này hoặc một thứ dứt, hoặc hai thứ dứt, hoặc bốn thứ dứt, hoặc năm thứ dứt. Nếu nói thân kiến, phải biết đã nói một thứ dứt. Nếu nói giới thủ, phải biết đã nói hai thứ dứt. Nếu nói nghi, phải biết đã nói bốn thứ dứt. Nếu nói ái, giận dữ, phải biết đã nói năm thứ dứt. Nếu hỏi ái, giận dữ, vì sao được lập trong kiết phần dưới, nên đáp như trong phần căn bất thiện. Nếu hỏi vì sao nói ba kiết được lập trong kiết phần dưới, thì nên đáp như trong ba kiết.

Phật hỏi các Tỳ-kheo: Các thầy có thọ trì năm kiết phần dưới mà ta đã giảng nói hay không?

Bấy giờ, Trưởng lão Ma-lặc-ca-tử, đang ở trong chúng hội, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vén y bày vai, chắp tay hướng về Phật, bạch Phật: Con xin vâng giữ năm kiết phần dưới do Đức Thế tôn đã giảng nói.

Phật hỏi Ma-lặc-ca-tử: Thầy vâng giữ năm kiết phần dưới ta đã giảng nói như thế nào?

Ma-lặc-ca-tử đáp: Bạch Thế tôn! Thế tôn nói ái dục là kiết phần dưới, con xin vâng giữ. Đức Thế tôn đã nói kiết thân kiến, giận dữ, giới thủ, nghi, là kiết phần dưới, con xin thọ trì.

Phật bảo: Thầy là người ngu. Nếu thầy vâng giữ điều ta đã giảng nói như thế, thì các dị học - ngoại đạo sẽ quở trách thầy như trẻ con nằm ngửa trên giường, tâm dục còn không có, hướng chỉ là bị cái ái dục che lấp. Dù không bị che lấp do cái ái dục, thầy cũng không được nói là mình không bị sử dục sai khiến. Nói rộng như kinh.

Trẻ con kia, đối với sắc không biết về tâm dục, cho đến không biết pháp, có thể nói là không có sử chẳng?

Hỏi: Kinh Phật nói năm kiết phần dưới, Ma-lặc-ca-tử cũng vâng giữ như thế, vì sao Phật lại quở trách Ma-lặc-ca-tử?

Đáp: Không do văn, do không hiểu nghĩa, nên Phật quở trách về nghĩa, không quở trách văn. Trưởng lão Ma-lặc-ca-tử nói rằng: Nếu phiền não hiện hành là kiết phần dưới, nếu phiền não không hiện hành thì chẳng phải kiết phần dưới. Đức Thế tôn nói: Nếu sử không dứt trừ là kiết phần dưới, không cần hiện hành hay không hiện hành.

Lại nữa, Ma-lặc-ca-tử nói: Nếu sử chuyển vận hiện ở trước là năm kiết phần dưới. Đức Phật nói: Nếu thành tựu, là ở ba đời, không hẳn ở trong hiện tại.

Lại nữa, Trưởng lão Ma-lặc-ca-tử nói: Sử chìm lặn nơi tâm là kiết.

Đức Phật nói: Có các sử đạt được là kiết. Như nói: Nếu tri kiến bất thiện, thì ở chỗ sanh khởi, do dứt dục ái, sẽ không gọi là không có sử giận, cho đến nghi nói cũng giống như thế.

Năm kiết phần trên là: Ái cõi Sắc, ái trạo, mạn, vô minh cõi Vô sắc,.

Hỏi: Thể tánh của năm kiết phần trên là gì?

Đáp: Có tám thứ: Ái cõi Sắc, chỗ dứt của tu đạo cõi Sắc, có một thứ. Ái cõi Vô sắc chỗ dứt của tu đạo ở cõi Vô sắc, có một thứ.

Trạo cử, mạn, vô minh là chỗ dứt của tu đạo ở cõi Sắc, cõi Vô sắc, có sáu thứ. Tám thứ này do tu đạo mà dứt ở cõi Sắc, cõi Vô sắc, cho đến nói rộng.

Đã nói thể tánh của năm kiết phần trên. Về lý do nay sẽ nói:

Hỏi: Vì sao gọi là kiết phần trên? Kiết phần trên có nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa dấy khởi lên trên, là nghĩa kiết phần trên. Nghĩa hướng lên trên là nghĩa kiết phần trên. Nghĩa khiến cho nối tiếp nhau sinh lên cõi trên, là nghĩa kiết phần trên.

Hỏi: Nếu nghĩa dấy khởi lên trên, nghĩa hướng lên trên, nghĩa khiến cho nối tiếp nhau sinh lên cõi trên là nghĩa kiết phần trên, thì các phiền não kia không nên lập là lưu. Vì sao? Vì nghĩa trôi nổi, nghĩa chảy xuống là nghĩa lưu, tức các chúng sinh trôi nổi nơi các cõi, các đường các loài sinh trong sinh tử?

Đáp: Nghĩa lưu khác, nghĩa kiết phần trên khác. Cũng do cõi nên lập kiết phần trên. Các phiền não này khiến chúng sinh khởi lên trên, hướng lên trên, làm cho nối tiếp nhau sinh lên cõi trên. Vì không có pháp thiện của Thánh đạo vô lậu, chánh trí giải thoát nên lập lưu. Các phiền não này khiến cho chúng sinh mặc dù sinh cõi Hữu Đảnh, nhưng vẫn bị trôi nổi theo dòng chảy, không đến trong pháp thiện của Thánh đạo vô lậu, chánh trí giải thoát.

Cho nên, Tôn giả Cù-sa đã nói rằng: Mặc dù chúng sinh đã sinh lâu ở cõi trên, nhưng vẫn bị dòng chảy (lưu) làm cho trôi nổi.

Hỏi: Vì sao ái được lập hai kiết phần trên, còn trạo, mạn, vô minh, mỗi thứ đều lập một kiết?

Đáp: Trạo, mạn, vô minh cũng nên nói như ái, lập hai kiết phần trên, mà không nói phải biết thuyết này chưa trọn vẹn.

Lại nữa, vì muốn dùng các thứ văn, các thứ thuyết để trang nghiêm cho nghĩa, nếu dùng các thứ văn, các thứ thuyết trang nghiêm cho nghĩa thì nghĩa sẽ dễ hiểu.

Lại nữa, vì muốn hiển hiện hai thứ môn, như ái lập hai thứ, trạo,

mạn, vô minh cũng nên lập hai thứ. Như trạo, mạn, vô minh lập một thứ, thì ái cũng nên nói một thứ.

Cũng thế, thể của kiết phần trên hoặc bốn, hoặc tám.

Như hai môn hai thứ đều chung cũng giống như thế.

Lại nữa, vì ái, nên giới riêng, địa riêng, chủng riêng, có thể sinh các phiền não. Nói rộng như giải thích về lãnh vực ái.

Kiết phần trên này là chỗ dứt của tu đạo.

Hỏi: Vì sao kiết phần trên chỉ do tu đạo dứt trừ?

Đáp: Vì kiết phần trên có thể khiến cho chúng sinh hưởng lên trên, không rơi xuống dưới. Còn phiền não do kiến đạo dứt trừ, có thể làm cho chúng sinh hưởng lên trên, cũng khiến cho rơi xuống dưới.

Lại nữa, kiết phần trên là sở hành của bậc Thánh, chẳng phải sở hành của phàm phu. Trong bậc Thánh là sở hành của A-na-hàm, chẳng phải sở hành của Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn.

Cũng thế nhân luận sinh luận.

Hỏi: Vì sao kiết phần trên là sở hành của A-na-hàm, chẳng phải sở hành của Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn?

Đáp: Vì A-na-hàm hoàn toàn sinh lên cõi trên, còn Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn vừa sinh lên cõi trên, vừa sinh xuống cõi dưới.

Lại nữa, nếu là người đã ra khỏi cõi, đắc quả thì trong thân này sẽ hành kiết phần trên. Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm dù đắc quả nhưng không ra khỏi cõi.

Lại nữa, nếu là người đã ra khỏi cõi, dứt hẳn trừ kiết bất thiện, thì hành kiết phần trên. Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm cũng không ra khỏi cõi, cũng không dứt trừ hẳn kiết bất thiện.

Lại nữa, nếu là người đã ra khỏi cõi, dứt hẳn kiết phần dưới, thì trong thân họ tức hành kiết phần trên. Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm không ra khỏi cõi, cũng không dứt hẳn kiết phần dưới.

Lại nữa, phiền não này được lập, mỗi mỗi đều khác nhau. Nếu trong thân lập kiết phần trên, thì sẽ không lập kiết phần dưới. Nếu trong thân lập kiết phần dưới, thì sẽ không lập kiết phần trên.

Lại nữa, vì không còn hiện hành pháp phàm phu đã hiện hành, nên lập kiết phần trên. Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm cũng còn thực hành pháp phàm phu đã thực hành. Pháp sở hành của phàm phu, nghĩa là nam, nữ đồng ngữ chung một giường, mặc áo Kiêu-xa-da, đeo tràng hoa, thoa thân các thứ hương chiên đàn, chứa vàng bạc, thọ dùng các dụng cụ bằng vàng bạc, sai khiến nô tỳ, tôi tớ, cũng lấy tay xoa đầu, dùng dây xích, roi, đánh người. Khởi thân nghiệp v.v... như thế, ngủ qua

đem với thê thiếp, xúc chạm sự trơn láng của thân người, sinh tưởng xúc chạm trơn láng như thế là pháp hiện hành của phàm phu.

Lại nữa, không còn vào thai mẹ, sinh trong dòng máu, không ở lại trong sinh tạng, thực tạng, trong thân như thế, thì lập kiết phần trên. Như kinh nói: Cư sĩ Chất Đa nói với các người bà con: Các ông phải biết, ta không còn vào thai mẹ nữa, nói rộng như trên. Cho nên, Tôn giả Cù-sa nói: Nếu giải thoát dục, giận thì sẽ thoát khỏi việc vào thai mẹ.

Hỏi: Thế của trạo cử trong kiết phần trên, có phải là kiết hay không? Nếu là kiết thì làm sao hiểu thuyết của phái Ba-già-la-na? Như nói: Thế nào là pháp kiết? Đáp: Là chín kiết. Thế nào là chẳng phải pháp kiết? Đáp: Trừ chín kiết, các pháp còn lại là pháp kiết.

Nếu chẳng phải kiết, thì kinh này nói làm sao hiểu? Như nói: Thế nào là kiết phần trên? Ái sắc, ái vô sắc, trạo, mạn, vô minh chẳng?

Đáp: Nên nói rằng: Đó là kiết.

Hỏi: Nếu vậy thì khéo hiểu kinh này, còn về thuyết của phái Ba-già-la-na nói làm sao hiểu?

Đáp: Sa-môn phương Tây trì tụng kinh Ba-già-la-na, nói rằng: Thế nào là pháp kiết?

Đáp: Chín kiết và trạo cử trong năm kiết phần trên.

Thế nào là chẳng phải pháp kiết?

Đáp: Là pháp còn lại, trừ chín kiết và trạo cử trong năm kiết phần trên.

Sa-môn nước Kế-tân chẳng phải nói như thế.

Hỏi: Vì sao Sa-môn nước Kế-tân chẳng phải nói như thế?

Đáp: Sa-môn nước Kế-tân nên nói như Sa-môn phương Tây đã nói, nhưng không nói là có ý gì? Đáp: Vì trạo cử là tướng hư hoại. Hoặc phần ít là kiết, phần ít chẳng phải kiết. Hoặc đối với một người là kiết, hoặc đối với một người chẳng phải kiết. Hoặc có khi là kiết, hoặc có khi chẳng phải kiết. Phần ít là kiết, phần ít chẳng phải kiết. Như cõi Sắc, cõi Vô sắc là kiết, cõi Dục thì chẳng phải kiết.

Hoặc đối với một người là kiết, hoặc đối với một người chẳng phải kiết: Như đối với bậc Thánh là kiết, đối với người phàm phu chẳng phải kiết. Hoặc có lúc là kiết, hoặc có khi chẳng phải kiết. bậc Thánh chưa lìa dục cõi Dục, chẳng phải kiết, đã lìa dục cõi Dục, là kiết.

Vì trạo cử có tướng mạo hư hoại như thế, cho nên Sa-môn nước Kế-tân không nói.

Cũng thế nhân luận sinh luận, vì sao trạo cử cõi Sắc, cõi Vô sắc thì lập kiết, còn trạo cử cõi Dục lại không lập?

Đáp: Vì cõi Dục là cõi bất định, chẳng phải địa tu, chẳng phải địa lìa dục, trong ấy không có nhất định như thế, vì bị rối loạn do trạo cử, cho nên, trạo cử cõi Dục không lập thành kiết. Cõi Sắc, cõi Vô sắc là cõi định, là địa tu, là địa lìa dục. Bốn chi, năm chi định trong các cõi đó đều bị trạo cử làm rối loạn, vì cho nên lập kiết. Như trong thôn xóm, nếu ở chỗ bên thôn xóm, dù có âm thanh lớn, cũng không thể gây ra tai hại, còn ở trú xứ A-luyện-nhã, dù là tiếng nhỏ, cũng cho là hại. Trạo cử kia cũng giống như thế.

Lại nữa, cõi Dục phần nhiều là các phiền não của ý tưởng phi pháp, như hận, phẫn, cuồng, siểm, kiêu, hại.

Các phiền não v.v... như thế, che lấp trạo cử khiến cho không được sáng, rõ, cho nên trạo cử cõi Dục không được lập là kiết. Cõi Sắc, cõi Vô sắc đều là các phiền não không có tưởng phi pháp, trạo cử trong các cõi đó rất rõ ràng, cho nên lập làm kiết. Như chỗ ở bên cạnh thôn xóm, có nhiều Tỳ-kheo làm ác, mà không thể biết. Nếu tới trú xứ A-luyện-nhã, thì từ xa đến là có thể biết ngay.

Hỏi: Như trạo cử, thù đi chung trong ba cõi, là chỗ dứt của năm thứ, chung cho sáu thức thân, có thể được trong tất cả tâm nhiễm ô, vì sao lập trạo cử, có phải vì là kiết phần trên nên không lập thù?

Đáp: Vì trạo cử là lỗi lầm lớn, vì là lỗi lầm, nên Đức Thế tôn lập làm kiết phần trên. Kinh Ba-già-la-na nói: Là đại địa bất thiện, do trạo cử có nhiều lỗi lầm. Kinh ấy nói: Thế nào là pháp kiết? Đáp: Chính kiết và trạo cử trong năm kiết phần trên.

Vì có nhiều lỗi, nên kinh Ba-già-la-na lại nói rằng: Thế nào là vô minh không chung? Thế nào là trạo, triền không chung? Vì chúng có nhiều lỗi lầm.

Luận Thi Thiết lại nói rằng: Nếu người phạm phu sinh khởi dục ái thì khởi năm pháp:

1. Dục ái.
2. Tướng sinh của dục ái.
3. Sử vô minh.
4. Tướng sinh của sử vô minh.
5. Trạo cử.

Vì thù không có nhiều, lỗi lầm lớn như thế, nên không lập trong kiết phần trên.

Lại nữa, vì trạo cử là sở hành của trí tuệ, mạnh mẽ, có thể gây rối loạn cho bốn chi, năm chi định, nên lập trong kiết phần trên. Tánh chất của thù thì ngu, chẳng phải trí tuệ, mạnh mẽ, thuận theo ở định, sở

hành giống như định. Nếu thù ở nơi thân, thì nhanh chóng có thể khởi định, cho nên không lập trong kiết phần trên.

Lại nữa, vì thù che lấp vô minh, vô minh được lập làm kiết phần trên. Nếu phải lập thù là kiết phần trên, thì sẽ bị vô minh che lấp.

Năm kiến: là Thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới thủ.

Hỏi: Thể tánh của năm kiến là gì?

Đáp: Có ba mươi sáu thứ. Thân kiến, chỗ dứt của kiến khổ trong ba cõi có ba thứ, biên kiến cũng vậy. Tà kiến, chỗ dứt của kiến khổ, tập, diệt, đạo trong ba cõi, có mười hai thứ, kiến thủ cũng vậy. Giới thủ, chỗ dứt của kiến khổ, kiến đạo trong ba cõi, có sáu thứ.

Ba mươi sáu sử này là thể của năm kiến, cho đến nói rộng.

Đã nói về thể tánh, về lý do nay sẽ nói:

Hỏi: Vì sao gọi là kiến? Kiến là nghĩa gì?

Đáp: Vì bốn việc nên gọi là kiến:

1. Nhìn thấy.
2. Chuyển hành.
3. Chỗ chấp bền chắc.
4. Nhập vào duyên mạnh mẽ.

Nhìn là xem:

Hỏi: Đây là tà kiến, đối tượng nhìn thấy là điên đảo, vậy xem cái gì?

Đáp: Đối tượng nhìn dù là tà, điên đảo nhưng tánh là tuệ, do tánh là tuệ nên có thể thấy. Như người mù xem, nhưng không rõ, cũng gọi là kiến.

Chuyển hành:

Hỏi: Trong một sát-na có chuyển hành nào?

Đáp: Vì tánh chất của kiến rất mạnh mẽ, nên gọi là chuyển hành.

Sở chấp bền chắc: Các kiến này, chấp giữ giả đối đối với duyên một cách bền chắc, nếu chẳng phải sức của đạo vô lậu, thì không do đâu có thể dứt trừ. Nếu Phật, đệ tử Phật xuất thế, dùng sức của đạo vô lậu mới có thể dứt được các kiến. Như loại trùng trong biển cả, tên là Thất-Thú-Ma-La. Hoặc cỏ, hoặc gỗ bị nó cắn, nếu chẳng phải dao bén thì không thể gỡ bỏ. Kiến kia cũng giống như thế, như kệ nói:

Điều người ngu vâng giữ

Vật bị cá kình ngậm

Thất-Thú-Ma-La cắn

Chẳng búa không thể gỡ.

Nhập duyên mạnh mẽ: Các kiến nhập duyên mạnh mẽ như cây kim trong vũng bùn.

Lại nữa, do hai việc nên gọi là kiến:

1. Do thấy được.
2. Do chuyển hành.

Lại nữa, do ba việc, nên gọi là kiến:

1. Tương ứng với tướng.
2. Hoàn thành việc kia.
3. Không hại sở duyên.

Lại nữa, do ba việc nên gọi là kiến:

1. Có tâm trông mong.
2. Chấp trước bền chắc.
3. Chuyển hành.

Lại nữa, do ba việc nên gọi là kiến:

1. Do tâm trông mong.
2. Do phương tiện.
3. Do không biết.

Tâm trông mong: Làm hư hoại tâm trông mong.

Phương tiện: Phá hoại phương tiện.

Không biết: Làm hư hoại tâm trông mong và phương tiện.

Lại nữa, làm hư hoại tâm trông mong: Là phá hoại người tu định.

Làm hư hoại phương tiện: Là phá hoại người tu tuệ.

Không biết: Được nghe từ người khác, nhận thức sai lầm về pháp tướng.

Đã nói chung về các kiến. Về lý do nay sẽ nói riêng mỗi thứ.

Vì sao gọi là thân kiến?

Đáp: Vì từ nơi thân mình sinh, cũng từ có thân sinh nên gọi là thân kiến.

Hỏi: Kiến khác cũng đều từ thân mình sinh, đều có thể là thân kiến?

Đáp: Nếu kiến từ nơi thân mình sinh, không từ thân người khác sinh, chẳng từ nơi không có thân sinh, kiến này là thân kiến. Kiến khác hoặc từ thân mình sinh, hoặc từ thân người khác sinh, hoặc từ nơi không có thân sinh.

Từ thân mình sinh: Là duyên theo giới mình. Từ thân người khác sinh: Duyên ở giới người khác. Không có thân sinh: là Duyên vô lậu.

Hỏi: Như biên kiến, không từ thân người khác sinh, cũng không từ không có thân sinh, vì sao không gọi là thân kiến?

Đáp: Thân kiến, vì trước đã được tên, lại do việc khác, nên đặt tên biên kiến, vì hai biên của kiến.

Lại nữa, nếu kiến từ thân mình sinh, nhiễm đấm ngã, ngã sở thì nói là thân kiến. Kiến khác dù có từ thân mình sinh, nhưng không nhiễm đấm ngã, ngã sở. Như ngã kiến, ngã sở kiến, kiến mình, sở kiến của mình cũng giống như thế.

Lại nữa, nếu kiến từ tự thân sinh, không trái với việc tu thí, giới, thì gọi là thân kiến. Kiến khác dù từ tự thân sinh nhưng không có việc như thế.

Lại nữa, nếu kiến từ thân mình sinh, tin vào điều mình đã làm, phải nhận chịu là thân kiến. Kiến khác dù từ thân mình sinh nhưng không có việc ấy.

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Tự thân gọi là năm thọ ấm, vì kiến này từ thân mình sinh, nên gọi là thân kiến.

Hỏi: Vì sao gọi năm thọ ấm là thân mình?

Đáp: Vì tự tạo ra.

Lại nữa, vì tự tạo ra, cũng là quả của nghiệp phiền não của mình.

Hỏi: Vì sao gọi là biên kiến?

Đáp: Kiến này thọ nhận hai bên, hoặc dứt, hoặc thường, nên gọi là biên kiến. Như kinh nói: Nếu Ca-chiên-diên dùng chánh trí, thấy biết như thật về tập của thế gian, thì không nói là không có thế gian. Nói không có thế gian: Là dứt kiến. Nếu thấy ấm vị lai sinh thì nghĩ rằng: Chúng sinh này chết chỗ này, sinh ở chỗ kia không dứt. Nếu dùng chánh trí thấy biết như thật về thế gian diệt, thì không nói là có thế gian. Nói có thế gian là thường kiến. Nếu thấy ấm, giới, nhập nối tiếp nhau sinh, người kia sẽ nghĩ rằng: Đây là pháp diệt, chẳng phải thường.

Lại nữa, vì đây là bên ngoại đạo, nên nói là biên kiến, ngoại đạo chấp ngã là pháp thấp kém đáng quở trách, hướng chi lại chấp ngã là dứt, thường, mà không là pháp thấp kém của bên.

Lại nữa, ngoại đạo chấp ngã gọi là thủ biên, đó gọi là chấp giữ hư giả về duyên, đó gọi là đối tượng chấp giữ ngu si, hướng chi là chấp ngã có dứt, có thường, mà chẳng phải bên.

Lại nữa, vì kiến này chuyển vận hai hành dứt thường nên gọi là biên kiến. Kinh Phật nói: Tỳ-kheo phải biết, ta không tranh luận với thế gian mà thế gian lại tranh luận với ta.

Hỏi: Vì sao Đức Phật không tranh luận với thế gian?

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Vì Phật nói có nhân quả. Nếu nhóm họp chung một chỗ với ngoại đạo thường kiến, ngoại đạo chấp có quả,

không nhân. Vì sao? Vì không nhân nên thường. Phật nói rằng: Các ông nói có, ta cũng nói có. Ông nói không là ngu si. Nếu nhóm họp một nơi với ngoại đạo dứt kiến, thì ngoại đạo dứt kiến kia sẽ nói có nhân, không có quả. Vì sao? Vì dứt quả.

Đức Phật nói rằng: Các ông nói có, ta cũng nói có. Ông nói không là ngu si. Đức Phật đối với chấp giữ nhân một bên, đối với chấp giữ quả của một bên, lìa cả dứt thường mà nói Trung đạo. Vì việc này, nên Phật không tranh luận với thế gian, chỉ thế gian tranh luận với Phật.

Lại nữa, Phật là người biện luận đúng pháp, thế gian là người biện luận phi pháp. Biện luận đúng pháp, không tranh luận với biện luận phi pháp.

Lại nữa, Phật dùng pháp chế ngự thuận theo thế gian, thế gian cho là pháp thật không thuận theo Phật.

Lại nữa, Phật là người khéo dứt trừ căn bản của sự tranh chấp, ái và kiến là căn bản của sự tranh chấp. Phật đã khéo dứt trừ chúng, người đời không dứt trừ, cho nên nói rằng: Ta không tranh chấp với thế gian, chỉ thế gian tranh chấp với ta.

Tôn giả Phật đà Đề Bà nói: Phật thì biện luận chính đáng, thế gian biện luận không chính đáng. Người biện luận chính đáng không tranh chấp với kẻ biện luận không chính đáng. Như một con ngựa đi vào đường cong vậy, gọi là đi vào con đường xấu.

Cũng thế, vì ngoại đạo hành theo tà đạo, nên nói đi theo đạo tranh chấp.

Lại nữa, Đức Phật nhận thấy nghĩa, thấy pháp, thấy điều thiện, thấy điều tốt, cho nên Ngài không tranh luận với thế gian.

Hỏi: Vì sao gọi là tà kiến?

Đáp: Vì hành theo hành tà nên nói là tà kiến.

Hỏi: Năm kiến đều làm theo hành tà, vậy đều là tà kiến chăng?

Đáp: Vì danh, do hành, nên nếu năm kiến không đặt tên, lập hành, thì năm kiến đều là tà kiến. Vì sao? Vì làm hành tà. Nếu năm kiến đặt tên, lập hành, thì kiến này gọi là hành tà kiến, hành không thực có. Đó gọi là tà kiến.

Lại nữa, làm hành tà hủy hoại pháp trước là tà kiến, kiến khác mặc dù hành theo hành tà, nhưng vẫn không có việc như thế.

Lại nữa, nếu hành tà, chê bai tất cả nhân quả, gọi là tà kiến. Kiến khác dù hành theo hành tà, nhưng không có việc như thế.

Lại nữa, hành theo hành tà trái với việc tu bố thí, trì giới. Kiến khác mặc dù làm theo hành tà, nhưng không có việc như thế.

Lại nữa, nếu hành theo hành tà, chê bai đạo Đẳng chánh giác quá khứ, vị lai, hiện tại và xứ ba lậu, gọi là tà kiến. Kiến khác dù làm hành tà, nhưng không có việc như thế.

Lại nữa, nếu hành theo hành tà, chê bai hai thứ ơn, nghĩa là ơn pháp, ơn chúng sinh. Chê bai ơn pháp: Nói không có thí cho, không có cúng tế, không có quả báo của nghiệp thiện, ác, không có đời này, đời sau. Chê bai ơn chúng sinh: Nói không có cha, không có mẹ, không có chúng sinh hóa sinh, nói thế gian không có A-la-hán, không có hướng đến chánh đạo, cho đến nói rộng. Kiến khác dù làm theo hành tà, nhưng không có việc như thế.

Lại nữa, nếu hành theo hạnh tà, có thể khởi hai thứ không có ơn, nghĩa là pháp không có ơn, chúng sinh không có ơn. Khởi pháp không có ơn, nghĩa là nói không có bố thí, cho đến nói rộng. Khởi chúng sinh không có ơn, nghĩa là nói không có cha, mẹ, cho đến nói rộng. Đó gọi là tà kiến. Kiến khác dù hành theo hành tà, nhưng không có việc như thế.

Lại nữa, tà kiến nếu hành theo hành tà, phá hoại việc hiện đang thấy, như người bị ngã xuống hầm lửa, muốn cho người đời sinh ý tưởng ít có, nên nói rằng: Nay ta cảm thấy vui sướng, cũng thế, chúng sinh rơi vào trong ấm, giới, nhập đang hừng hực cháy, vì tà kiến nên nói không có khổ. Kiến còn lại dù hành theo hành tà, nhưng không có việc như thế.

Lại nữa, nếu hành theo hành tà, nói là ác. Như nói: Tỳ-kheo phải biết! Nếu người tà kiến với nghiệp thân, miệng, ý hiện có và pháp hồi chuyển theo chỗ nguyện cầu đều sinh pháp không ưa, không thích, không tốt đẹp. Vì sao? Tỳ-kheo phải biết vì kiến ác. Kiến còn lại dù hành theo tà hạnh, nhưng không có việc ấy, nên không gọi là tà kiến.

Hỏi: Vì sao gọi là kiến thủ?

Đáp: Vì chấp giữ lấy kiến nên gọi là kiến thủ.

Hỏi: Kiến này cũng nhận lấy năm ấm, vì sao chỉ nói kiến thủ?

Đáp: Vì kiến nên chấp lấy năm ấm. Lại nữa, nếu chấp kiến, hoặc nhận lấy năm ấm, chấp là bậc nhất thì đó gọi là kiến thủ.

Hỏi: Vì sao gọi là giới thủ?

Đáp: Vì kiến này chấp lấy giới, nên gọi là giới thủ.

Hỏi: Ở đây đều chấp lấy năm ấm, vì sao chỉ nói chấp lấy giới?

Đáp: Vì giới nên chấp năm ấm.

Lại nữa, vì sở hành, nên hoặc chấp giới, hoặc chấp ấm. Vì sở hành thanh tịnh, nên gọi là giới thủ.

Hỏi: Vì sao gọi là thủ?

Đáp: Vì chấp lấy kiến của người khác, nên gọi là thủ. Như thân kiến chấp ngã, ngã sở, biên kiến chấp dứt, thường, tà kiến chê bai, nói là không. Kiến thủ chấp giữ các kiến này cho là bậc nhất. Giới thủ chấp giữ các kiến này cho là tịnh. Cho nên chấp lấy kiến chấp của người khác gọi là thủ.

Sáu ái thân: Mắt xúc chạm sinh ái. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc chạm sinh ái.

Nên nói một ái. Như ái của ba cõi trong chín kiết, được lập một kiết ái.

Nên nói hai ái. Như ái cõi Dục trong bảy sử, gọi là sử dục ái. ái cõi Sắc, cõi Vô sắc, được gọi là sử hữu ái.

Nên nói là ba ái. Như kinh nói: Tỳ-kheo phải biết! Ái nói có ba: ái dục, ái sắc, ái vô sắc.

Nên nói là bốn ái. Như kinh nói: Ái từ bốn việc sinh. Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, do y phục sinh ái, sinh bèn sinh, thành lập bèn thành lập, thiện bèn thiện.

Do thức ăn sinh ái, do đồ nằm sinh ái, do hữu sinh ái. Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni sinh ái như thế, nói rộng như trên.

Nên nói năm ái: Do khổ dứt trừ ái, cho đến tu đạo dứt ái.

Nên nói chín ái: Như ái thượng thượng, cho đến ái hạ hạ.

Nên nói mười tám ái: Như nói mười tám hành ái.

Nên nói ba mươi sáu ái: Như nói ba mươi sáu hành ái.

Nên nói một trăm lẻ tám ái: Như nói một trăm lẻ tám hành ái.

Nếu lấy ở thân, nếu lấy sát-na, thì sẽ có vô lượng vô biên ái.

Hỏi: Vì sao một ái rộng, Đức Thế tôn lại nói sáu ái, tóm lược vô lượng ái nói sáu ái thân?

Đáp: Vì chỗ nương dựa. Hoặc một, hoặc vô lượng ái, đều dựa vào sáu thứ này, dựa vào sáu cõi, sáu đường, tương ứng với sáu thức thân mà sinh.

Hỏi: Vô minh, giận dữ cũng nương vào sáu thứ này, nương dựa cho đến tương ứng với sáu thức mà sinh, vì sao chỉ nói sáu ái thân, không nói sáu giận dữ thân, sáu vô minh thân?

Đáp: Lẽ ra nói mà không nói, nên biết là thuyết này chưa rõ ráo.

Lại nữa, nếu nói ái thân, phải biết cũng nói thân giận dữ, thân vô minh.

Lại nữa, vì ái ở ba cõi, chung cho năm thức thân, nên có thể tự

thành lập. Giận dữ dù chung cho năm thức thân, tự thành lập nhưng không ở ba cõi. Vô minh dù ở ba cõi, không chung cho năm thức thân, nhưng có thể tự thành lập.

Lại nữa, cõi ái riêng, địa riêng, chủng riêng, nói rộng như đã giải thích về lĩnh vực ái.

Hỏi: Vì sao gọi là thân?

Đáp: Vì nhiều nên nói là thân. Không do khoảng sát-na, mắt xúc chạm sinh ái, gọi là thân, cho đến nhiều sát-na, mắt xúc chạm sinh ái gọi là thân. Như không do một con voi được gọi là quân voi, mà do nhiều voi mới gọi là quân voi. Quân xe, quân ngựa, quân bộ cũng giống như thế, cho đến ý xúc chạm sinh nhiều ái, gọi là ái thân.

Bảy sử: Sử dục ái, sử giận dữ, sử hữu ái, sử mạn, sử vô minh, sử kiến, sử nghi.

Hỏi: Thể tánh của bảy sử là gì?

Đáp: Có chín mươi tám thứ: Sử ái dục, cõi Dục có năm thứ ái chung cho thân sáu thức.

Sử giận dữ có năm thức, chung cho sáu thức thân.

Sử hữu ái là ái cõi Sắc, cõi Vô sắc, có mười thứ.

Sử mạn ở ba cõi, có mười lăm thứ, ở ý địa.

Sử vô minh ở ba cõi, có mười lăm thứ.

Sử kiến ở cõi Dục, có mười hai, cõi Sắc có mười hai, cõi Vô sắc có mười hai, hợp thành ba mươi sáu thứ.

Sử nghi, chỗ dứt của bốn thứ ở ba cõi, có mười hai thứ.

Chín mươi tám thứ này là thể của bảy sử, cho đến nói rộng.

Đã nói thể tánh của sử. Về lý do nay sẽ nói:

Hỏi: Vì sao gọi là sử? Sử là nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa vi tế là nghĩa sử, nghĩa chấp trước bền chắc là nghĩa sử, nghĩa theo đuổi nhau là nghĩa sử.

Nghĩa vi tế là nghĩa sử: Vi gọi là tế, như bảy vi trần thành một tế trần.

Nghĩa chấp trước bền chắc là nghĩa sử: Cho đến khoảng một sát-na, một vi trần sử cũng sinh ra sự chấp trước.

Nghĩa theo đuổi nhau là nghĩa sử: Như pháp theo đuổi bóng của chúng sinh đi trong nước, đi trên hư không là chim, đi trong nước là loài vật ở trong nước. Chim dùng sức của đôi cánh, nhằm bay qua biển cả. Loài vật trong nước biển nhận lấy tướng chim bay rồi, nghĩ rằng: Không có chim bay nào có thể bay qua biển cả, trừ chim cánh vàng đầu đàn, liền đuổi theo bóng chim kia. Vì quá mỏi mệt, chim kia rơi xuống nước,

loài vật nọ bèn nuốt chửng.

Cũng thế, các sử thường ở trong thân bất cứ lúc nào. Nếu không chánh tư duy thì sẽ sinh quả y, quả báo.

Lại nữa, vi tế là thể của sử, sự chấp trước là sở tạo tác, theo đuổi nhau là đắc.

Lại nữa, vi tế là sử quá khứ, sự chấp trước là sử hiện tại, theo đuổi nhau là sử vị lai.

Lại nữa, nghĩa vi tế, nghĩa chấp trước là nghĩa sử tương ứng. Nghĩa theo đuổi nhau là nghĩa sử không tương ứng với tâm.

Hỏi: Sử không có không tương ứng?

Đáp: Trong đây nói đắc của sử là sử. Pháp sư nước ngoài nói sử có bốn nghĩa:

1. Nghĩa vi là nghĩa sử.
2. Nghĩa chấp trước là nghĩa sử.
3. Nghĩa khắp là nghĩa sử.
4. Nghĩa theo đuổi nhau là nghĩa sử.

Nghĩa vi tế là nghĩa sử: Tự tánh của sử này vi tế, sở hành cũng vi tế.

Nghĩa chấp trước là nghĩa sử: Sử kia chấp trước bền chắc đối với thân này, cũng như đứa trẻ giữ chắc lấy vú sữa.

Nghĩa khắp là nghĩa sử: Sử kia ở khắp trong thân, như dầu ở trong hạt mè, chất béo ở trong khối thịt.

Nghĩa theo đuổi nhau là nghĩa sử: Như cách đuổi theo bóng của chim bay trên hư không, loài vật đi trong nước.

Lại nữa, nghĩa vi tế là nghĩa sử: Là tự thể của sử.

Nghĩa chấp trước là nghĩa sử: Là chỗ hành.

Nghĩa khắp là nghĩa sử: Là tương ứng.

Nghĩa theo đuổi nhau là nghĩa sử: Là các đắc.

Nên dùng ba việc để nhận biết sử:

1. Dùng tự thể.
2. Dùng quả.
3. Dùng con người.

Dùng tự thể: Sử dục ái, như ăn miếng to, nhiều. Sử giận dữ, như ăn hạt sấm đắng. Sử hữu ái như áo dính sữa mẹ. Sử mạn, như người kiêu mạn. Sử vô minh như người mù. Sử kiến như người đi lạc đường. Sử nghi như người đi đến đường rẽ.

Do quả: Thực hành rộng khắp sử dục ái, sinh vào loài chim sẻ, oan ương, bồ câu. Thực hành rộng khắp sử giận dữ, sẽ đọa vào loài rắn độc.

Thực hành rộng khắp sử hữu ái, sẽ sinh lên cõi Sắc, cõi Vô sắc. Thực hành rộng khắp sử mạn, sẽ đọa trong hạng thấp kém. Thực hành rộng khắp sử vô minh, sẽ đọa trong cảnh mù lòa, tăm tối. Thực hành rộng khắp sử kiến sẽ rơi vào ngoại đạo. Thực hành rộng khắp sử nghi sẽ sinh vào chốn biên địa.

Do người: Sử dục ái, lấy Nan đà v.v... để biết. Sử giận dữ lấy Khí hư, Chỉ man v.v... để biết. Sử hữu ái lấy A-tư-đà, A-la-tra, Ưu-đà-ca v.v... để biết. Sử mạn lấy Ma-na đáp-đà v.v... để biết. Sử vô minh lấy Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp v.v... để biết. Sử nghi lấy Ma-lặc-ca-tử v.v... để biết.

Hỏi: Vì sao ganh ty (Tật) keo kiệt (san) không lập sử?

Đáp: Vì không có tướng sử, nên không lập sử. Lại nữa, ganh ty, keo kiệt là phiền não thô, vi tế là sử. Tánh ganh ghét nặng, tánh của sử nhẹ, tánh ganh ghét chậm, tánh của sử nhanh.

Lại nữa, tập khí của tánh san tật, không bền chắc, tập khí của tánh sử bền chắc. Tập khí bền chắc thì lập sử, không bền chắc thì không lập. Như đốt cỏ chỗ lớp ngoài, khi lửa tắt, đất chỗ đó liền nguội. Tập khí ganh ty, keo kiệt cũng giống như thế. Như đốt gỗ Khur-đà-la, dù lửa tắt đã lâu, nhưng đất chỗ đó vẫn còn nóng. Tập khí của tánh của sử, phải biết cũng giống như thế.

Chín kiết: Kiết ái, kiết giận dữ, kiết mạn, kiết vô minh, kiết kiến, kiết thủ, kiết nghi, kiết thật (ganh ghét) và kiết xan (keo kiệt).

Hỏi: Thế tánh của chín kiết là gì?

Đáp: Có một trăm thứ, kiết ái ba cõi có mười lăm thứ. Kiết giận dữ có năm thứ. Kiết mạn ba cõi có mười lăm thứ. Kiết vô minh ba cõi có mười lăm thứ. Kiết kiến có mười tám thứ: thân kiến ba cõi có ba thứ. Biên kiến cũng thế. Tà kiến ba cõi có mười hai thứ. Kiết thủ có mười tám thứ: kiến thủ ba cõi có mười hai thứ. Giới thủ ba cõi có sáu thứ. Kiết nghi ba cõi có mười hai thứ, kiết tật, san, chỗ dứt của tu đạo cõi Dục có hai thứ.

Đã nói thể tánh kiết. Về lý do nay sẽ nói:

Hỏi: Vì sao gọi là kiết? Kiết có nghĩa là gì?

Đáp: Nghĩa trói buộc là nghĩa kiết. Nghĩa hợp với khổ là nghĩa kiết. Nghĩa xen lẫn chất độc là nghĩa kiết. Phần còn lại như chỗ ba kiết đã nói.

Đã nói chung về lý do của chín kiết. Về lý do của mỗi kiết nay sẽ nói:

Hỏi: Thế nào là kiết ái?

Đáp: Ái của ba cõi được lập là kiết ái: Ái cõi Dục lập sử dục ái. Ái cõi Sắc, cõi Vô sắc lập sử hữu ái.

Kinh nói có ba ái: Ái dục, ái sắc, ái vô sắc.

Hỏi: Ba thứ ái này có gì khác nhau?

Đáp: Người được Phật hóa có ba hạng: Lợi căn (căn nhạy bén) căn trung bình, độn căn (căn tánh chậm lụt). Vì người căn tánh nhạy bén nói kiết ái. Vì người căn trung bình nói sử dục ái, sử hữu ái. Vì người căn tánh chậm lụt nói ba ái.

Như căn tánh nhạy bén, căn trung bình, căn tánh chậm lụt, hành lâu, đã hành, mới hành.

Niềm vui lược, niềm vui rộng. Niềm vui lược rộng nói cũng giống như thế.

Lại nữa, vì đồng với nghĩa trói buộc của khổ. Ái cõi Dục cũng đồng với sự trói buộc của khổ. Ái cõi Sắc, cõi Vô sắc cũng đồng với sự trói buộc của khổ.

Thế nào là kiết giận dữ? Là hại chúng sinh.

Hỏi: Như ở trong pháp phi chúng sinh, cũng khởi tâm hại. Vì sao chỉ nói hại chúng sinh?

Đáp: Vì ở trong pháp của số chúng sinh, khởi giận dữ nhiều, đối với số phi chúng sinh, khởi giận dữ ít.

Lại nữa, đối với số chúng sinh khởi giận dữ thì tội nặng, đối với số phi chúng sinh khởi giận dữ thì tội nhẹ.

Lại nữa, do số chúng sinh giận dữ, cũng giận dữ đối với số phi chúng sinh.

Thế nào là kiết mạn?

Đáp: Có bảy thứ mạn là sử mạn:

1. Mạn.
2. Đại mạn.
3. Mạn đại mạn.
4. Ngã mạn.
5. Tăng thượng mạn.
6. Như mạn.
7. Tà mạn.

Nói rộng, như trong Kiên-độ Tạng.

Thế nào là kiết vô minh?

Đáp: Ba cõi vô tri. Nói như thế là tốt. Nếu nói rằng: Duyên ba cõi vô tri thì sẽ không gồm nhiếp vô lậu duyên sử.

Hỏi: Thế nào là kiết kiến?

Đáp: Là ba kiến: Thân kiến, biên kiến, tà kiến.

Hỏi: Thế nào là kiết thủ?

Đáp: Là hai thứ thủ: Kiến thủ, giới thủ, nói rộng như kinh Ba-già-la-na.

Hỏi: Vì sao năm kiến, ba kiến lập kiết kiến, còn hai kiến lập kiết thủ?

Đáp: Vì đồng với nghĩa trói buộc của khổ, nên thân kiến được gọi là tiếng người nữ, là nghĩa trói buộc của khổ, chẳng phải vui. Như thân kiến, biên kiến, tà kiến cũng giống như thế. Kiến thủ, giới thủ, gọi là tiếng người nam, là nghĩa trói buộc của khổ, chẳng phải vui (Theo pháp Thanh luận ở Thiên trúc có tiếng người nam, người nữ, tiếng chẳng phải nam, chẳng phải nữ).

Lại nữa, thể của hai kiết này đồng, sử gồm nhiếp cũng đồng. Thể đồng: Thể của kiết kiến có mười tám, thể của kiết thủ cũng mười tám, sử gồm nhiếp cũng giống như thế.

Lại nữa, nếu hành kiến, hành tà, chẳng phải thủ, là kiết kiến. Nếu hành kiến, hành tà là thủ, chẳng phải kiến, là kiết thủ.

Thế nào là kiết nghi? Là do dự đối với đế.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Vì muốn cho ý nghi ngờ được quyết định. Nếu thấy từ xa một vật thể cao, thì nghĩ rằng chẳng biết là người hay gốc cây? Nếu biết là người, thì nghĩ rằng chẳng biết người nam hay người nữ? Thấy hai con đường, ngờ vực là con đường cần đi tới hay chẳng phải con đường cần đi tới? Thấy hai y, hai bát, thì nghĩ chẳng biết y, bát mà của ta, y bát nào chẳng phải của ta? Người cho như thế đó là kiết nghi thật. Muốn cho nghĩa này được quyết định là tà trí, vô ký không ẩn một cõi Dục. Nếu nghi là có khổ, tập, diệt, đạo, hay không có khổ, tập, diệt, đạo? Đây là nghi thật, gọi là kiết nghi.

Hỏi: Thế nào là kiết tật?

Đáp: Thấy sự tốt đẹp của người khác, tâm cảm thấy khó chịu.

Hỏi: Thế nào là kiết keo kiệt (san)?

Đáp: Tâm gắn chặt với keo kiệt.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Vì muốn cho người nghi ngờ được quyết định. Người đời đối với sự ganh tỵ, tạo ra tưởng keo kiệt, đối với sự keo kiệt có ý tưởng ganh tỵ. Nếu có người thấy sự tốt đẹp của người khác, tâm sinh ganh tỵ, người đời nói người này keo kiệt. Đây chẳng phải keo kiệt mà là ganh tỵ. Nếu có người thấy người khác giấu kín vợ mình, người đời nói người đó là

ganh ty, thật ra chẳng phải ganh ty mà là keo kiệt.

Vì muốn dứt bỏ sự xen lẫn: ganh ty tưởng là keo kiệt, keo kiệt tưởng là ganh ty, cũng hiển bày rõ sự khác nhau giữa ganh ty và keo kiệt, mà soạn luận này.

Thế nào là kiết ganh ty (tật)? Thấy việc tốt đẹp của người khác, tâm không chịu được. Vì dứt trừ sự ganh ty như thế cho là ý keo kiệt. Kiết này tưởng không chấp nhận, chẳng phải tưởng keo kiệt. Nếu thấy người khác có vật tốt đẹp, bèn sinh tâm ganh ty: phải chi vật ấy thuộc về ta thì hay biết mấy.

Thế nào là kiết keo kiệt?

Đáp: Tâm gắn chặt với keo kiệt, nên nói như thế này: Đã dứt trừ keo kiệt tạo tưởng ganh ty, kiết này là tưởng gắn chặt với keo kiệt, chẳng phải tưởng không chịu được, vì khéo giữ gìn vợ mình, không cho ra ngoài.

Hỏi: Vì sao ganh ty, keo kiệt ở trong mười phiền là kiết, chẳng phải phiền khác?

Đáp: Không có tướng của kiết thì không lập, có tướng của kiết thì lập.

Lại nữa, vì biểu hiện kiết sau cùng, nên ganh ty, keo kiệt là kiết sau cùng trong mười phiền.

Lại nữa, hai kiết này có thể tự thành lập. Không có hai tướng có thể tự thành lập, nghĩa là do công dụng của tự lực nên thành lập.

Không có hai tướng, nghĩa là hoàn toàn bất thiện. Triền phần, phú có thể tự thành lập, không có hai tướng. Nhưng Pháp sư nước ngoài nói: Hai kiết này là sử, không nói là triền, vì thế không nên hỏi.

Thùy, trạo cử không thể tự thành lập. Do sức của người khác nên lập, chẳng phải không là hai tướng, do bất thiện, vô ký. Miên, hối dù có thể tự thành lập, cũng chẳng phải không có hai tướng, do miên có thiện, bất thiện, vô ký, hối có thiện, bất thiện. Không hổ, không thẹn, dù chẳng phải hai tướng, nhưng không tự thành lập, do sức của người khác. Ganh ty, keo kiệt chẳng phải hai tướng, cũng tự thành lập.

Lại nữa, hai kiết này là pháp thấp kém đáng quở trách.

Lại nữa, vì đây là việc làm của kẻ thấp kém, xấu ác. Nếu người đời cúng dường cho người khác, sao lại sinh ganh ty? Dù có chứa nhóm trăm, ngàn của báu, nhưng vẫn không thể cầm giữ năm tiền đến với đời sau. Nếu sẽ thí cho người khác thì có lỗi gì?

Lại nữa, thế gian do hai kiết này, nên đã từng chịu nhiều sự chê bai, hủy nhục. Người đời khinh chê hai pháp, cho là kẻ nghèo cùng

không có oai thế. Do thực hành rộng khắp kiết ganh ty, nên khiến không có oai thế. Thực hành rộng khắp kiết keo kiệt khiến người nghèo cùng. Nếu người nghèo cùng, không có uy thế thì cha mẹ, anh em, thân thuộc, tôi tớ, cho đến vợ mình, đều bị xem thường.

Lại nữa, hai kiết này, đối với chúng sinh cõi Dục, có thể làm hai việc:

1. Như lính giữ ngục.
2. Như người giữ cửa.

Như người bị giam cầm trong lao ngục, do hai người canh giữ, không cho ra ngoài. Ví như trong khu vườn thanh tịnh, trang nghiêm, cho hai người giữ cửa, không cho người đi vào. Đường ác nên biết như lao ngục. Ganh ty, keo kiệt nên biết như lính giữ ngục. Chúng sinh sở dĩ không thể ra khỏi ngục đường ác là do ganh ty, keo kiệt giữ chặt. Người, trời như khu vườn trang nghiêm, thanh tịnh. Ganh ty, keo kiệt, như hai kẻ giữ cửa. Sở dĩ chúng sinh không có được thú vui trong cõi người, trời, là do ganh ty, keo kiệt canh giữ.

Vì việc này, nên ganh ty, keo kiệt được lập kiết. Như kinh nói: Thích Đề Hoàn Nhân đi đến chỗ Phật hỏi rằng: Bạch Đức Thế tôn! Người, trời thường gây ra kiết nào? A-tu-la, Kiền-thất-bà, cho đến nói rộng.

Phật bảo Kiền-thi-ca: Người, trời thường gây ra kiết ganh ty, kiết keo kiệt. A-tu-la, rồng, Ca-lâu-la, Kiền-thất-bà, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, các chúng sinh như thế v.v... cũng thường gây ra kiết ganh ty, kiết keo kiệt.

Hỏi: Chúng sinh hoặc có chín kiết, hoặc có sáu kiết, hoặc có ba kiết, hoặc có không có kiết. Chín kiết là phạm phu bị trói buộc đủ.

Có sáu kiết: Là phạm phu lia dục cõi Dục, bậc Thánh chưa lia ái dục.

Có ba kiết: Là bậc Thánh đã lia dục.

Không có kiết: Là A-la-hán.

Không có chúng sinh tạo thành hai kiết, một kiết, vì sao Đức Thế tôn nói: Người, trời, A-tu-la v.v... thường tạo ra hai kiết?

Đáp: Vì ganh ty, keo kiệt là sở hành của người giàu sang, Đế-thích là bậc tôn quý trong hai trời.

Lại nữa, do hai kiết này, nên trời, A-tu-la thường chiến đấu với nhau. Chư Thiên có thức ăn ngon, A-tu-la thì có gái đẹp. Chư Thiên vì keo kiệt về thức ăn, không muốn cho nơi khác. Đối với người nữ, sinh tâm ganh ty nói: phải chi là của chúng ta thì tốt biết mấy.

A-tu-la thì keo kiệt đối với người nữ, không muốn cho họ đi ra ngoài, đối với thức ăn, sinh tâm ganh tỵ nói: Đối với chúng ta thì tốt phải chi thuộc về chúng ta thì tốt biết mấy.

Chư Thiên vì người nữ, nên đi xuống thành của A-tu-la. A-tu-la vì thức ăn, nên lên đến thành cõi trời.

Do việc này, nên trời và A-tu-la thường chiến đấu với nhau.

Bấy giờ, Đế-thích từ trận chiến đi ra, tâm sợ hãi không bao lâu liền đến chỗ Phật, bạch Phật: Người, trời, A-tu-la v.v..., vì kiết gì mà thường chiến đấu với nhau?

Đức Thế tôn dùng sức phương tiện nói rằng: Đế-thích nên biết! Do hai kiết ganh tỵ, keo kiệt đã gây ra tai hại cho ông, phát sinh ách nạn sợ hãi, cũng như gánh nặng!

Vì việc này, nên người, trời, A-tu-la v.v... do hai kiết ấy mà thường chiến đấu với nhau.

Chín mươi tám sử:

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Vì muốn dứt trừ sự đăm nhiễm về văn ý của Sa-môn. Tức có sự chấp trước về văn Sa-môn đã nói để vâng giữ. Lại nói rằng: Phật nói bảy sử, ai là người thông minh hơn Phật, nói chín mươi tám sử?

Vì muốn dứt bỏ ý của người đã nói như thế, đồng thời cũng muốn nói về phần thể tánh tướng của chín mươi tám sử. Vì việc ấy nên soạn luận này.

Kinh Phật nói bảy sử, do giới, do chủng, do hành, nên có chín mươi tám sử.

Sử dục ái trong bảy sử, trong chín mươi tám sử, vì chủng loại nên có năm. Sử giận dữ cũng giống như vậy.

Sử hữu ái trong bảy sử trong chín mươi tám sử, vì cõi nên có hai, do chủng nên có năm, do giới, do chủng nên có mười.

Sử mạn trong bảy sử trong chín mươi tám sử, vì giới nên có ba, vì chủng nên có năm. Sử do cõi, do chủng có mười lăm, sử vô minh cũng vậy.

Sử kiến trong bảy sử trong chín mươi tám sử, vì cõi nên có ba, vì hành nên có năm, vì chủng nên có mười hai, vì do cõi, do chủng, do hành nên có ba mươi sáu.

Sử nghi trong bảy sử trong chín mươi tám sử, vì cõi nên có ba, vì chủng nên có bốn, do giới, do chủng nên có mười hai.

